

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 12/4/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**;

2. Bà **Nguyễn Hải Anh**.

*Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Tấn Lực** - Kiểm sát viên.*

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hồng Ng**, sinh năm 1993;

(Chị Hồng Ng có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Đoàn Văn H**, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: khu phố Minh A, thị trấn Minh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Văn H vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ng trình bày:* Vào năm 2013, chị và anh Đoàn Văn H được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên cùng nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Minh L ngày 02-10-2013.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc và có 02 người con chung tên Đoàn Gia H, sinh ngày 09/6/2014 và Đoàn Gia Kh, sinh ngày 27/10/2019 hiện nay con đang sống chung với chị Hồng Ng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến thời gian sau khoản năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình và cách sống nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng Ng yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn H
- Về con chung: Xin tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đoàn Gia Hân, sinh ngày 09/6/2014 và Đoàn Gia Khương, sinh ngày 27/10/2019, chị không yêu cầu anh Hiền cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2022 bị đơn anh Đoàn Văn H trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Hồng Ng về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị Hồng Ng yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Hồng Ng.
- Về con chung: Anh H đồng ý giao 02 người con chung tên Đoàn Gia Hân, sinh ngày 09/6/2014 và Đoàn Gia Khương, sinh ngày 27/10/2019 cho chị Hồng Ng tiếp tục nuôi dưỡng, anh Hiền không đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H vắng mặt:

Qua xem xét ý kiến trình bày của chị Lê Thị Hồng Nghi và anh Đoàn Văn Hiền thể hiện thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được tất cả các vấn đề trong vụ án, nhưng anh Hiền vắng mặt không tham gia các giai đoạn tố tụng tại Tòa án nên Tòa án không ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nên tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử là quá hạn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Nghi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 23/11/2020 chị Lê Thị Hồng N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đoàn Văn H có hộ khẩu thường trú tại khu phố Minh An, thị trấn Minh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Về sự có mặt của đương sự: bị đơn anh Đoàn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Hồng N và anh Đoàn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2013 tại cơ quan nhà

nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo Hồng Nghi nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Thực tế chị Hồng Nghi và anh Hiền đã sống ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Mặc khác, tại biên bản lấy lời khai anh Hiền cũng đồng ý ly hôn với chị Hồng Nghi. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Hồng Ng và anh Hiền đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Hồng Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hiền để ổn định cuộc sống và anh Hiền cũng đồng ý.

Xét thấy yêu cầu của chị Lê Thị Hồng Ng xin ly hôn với anh Đoàn Văn H là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Lê Thị Hồng Ng và anh Đoàn Văn H đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Đoàn Gia Hân, sinh ngày 09/6/2014 và Đoàn Gia Khương, sinh ngày 27/10/2019 hiện đang sống cùng chị Hồng Nghi. Anh Hiền thống nhất giao cháu Gia Hân và cháu Gia Khương cho chị Hồng Nghi tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đồng thời cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Gia Hân được Tòa án ghi nhận ý kiến tại biên bản ngày 16/02/2022 nên HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên thống nhất chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX đã giải thích cho chị Hồng Nghi về quyền yêu cầu anh Hiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Hồng Nghi xác định không yêu cầu anh Hiền cấp dưỡng nuôi con và việc chị Hồng Nghi không yêu cầu anh Hiền phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Hồng Ng và anh Đoàn Văn H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị Lê Thị Hồng Ng và anh Đoàn Văn H cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Hồng Nghi là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng Ng và anh Đoàn Văn H.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng Ng và anh Đoàn Văn H thống nhất như sau: Anh Hiền đồng ý giao 02 con chung tên Đoàn Gia Hân, sinh ngày 09/6/2014 và Đoàn Gia Khương, sinh ngày 27/10/2019 cho chị Hồng Nghi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Gia Hân). Chị Hồng Nghi không yêu cầu anh Hiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hiền có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Hồng Nghi và anh Đoàn Văn H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Hồng Ng và anh Đoàn Văn H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng Ng phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Hồng Ng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số: 0001625, ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị Hồng Ng không phải nộp thêm.

6. “ *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014*”.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

